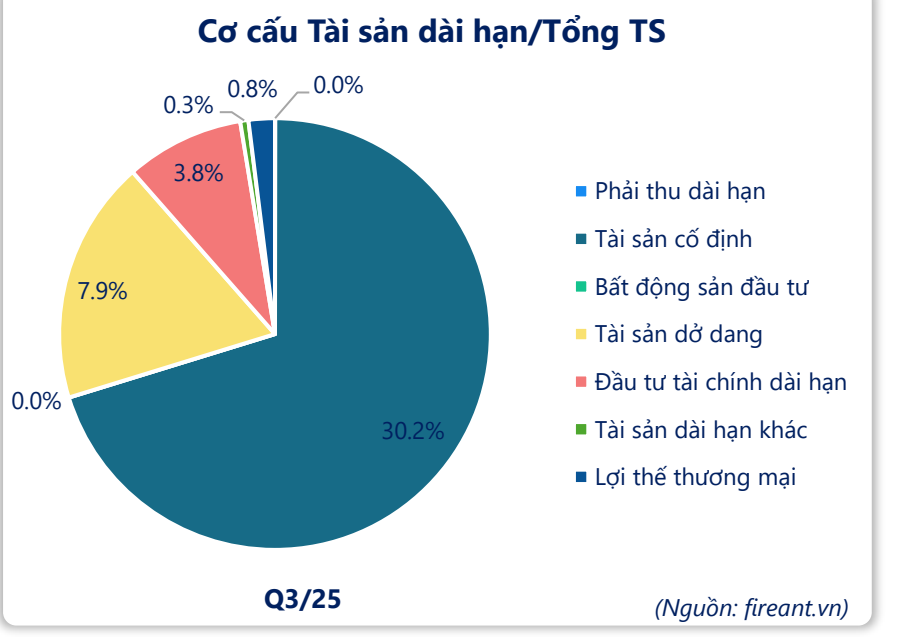
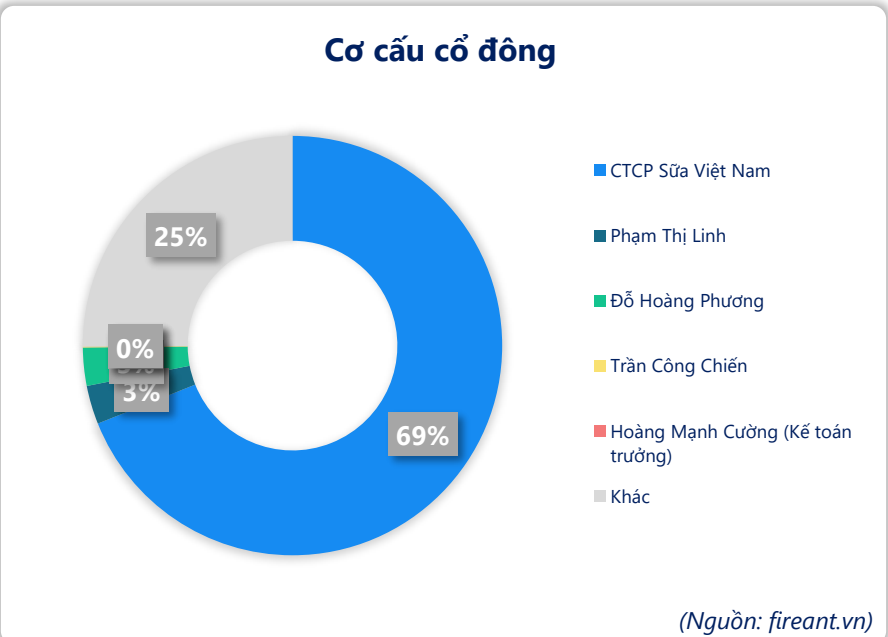
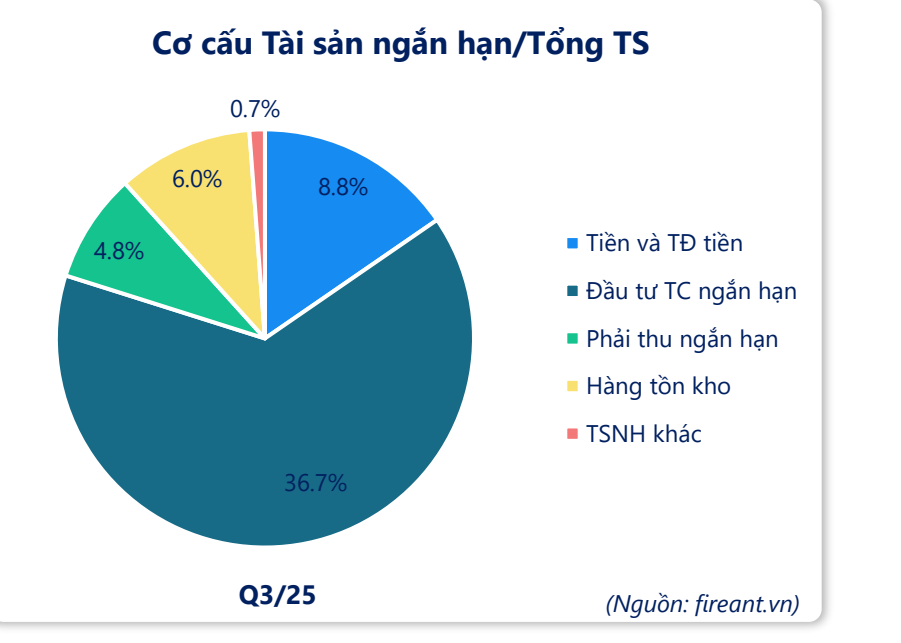
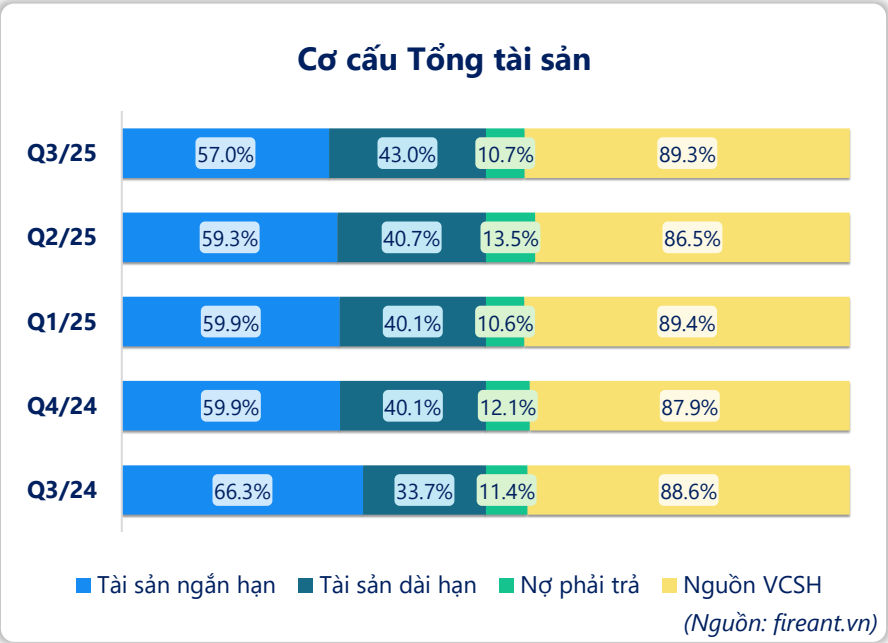
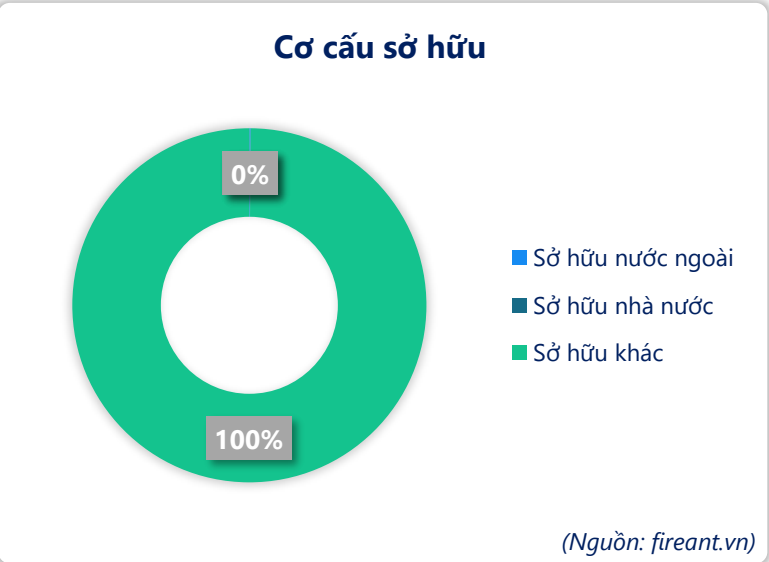
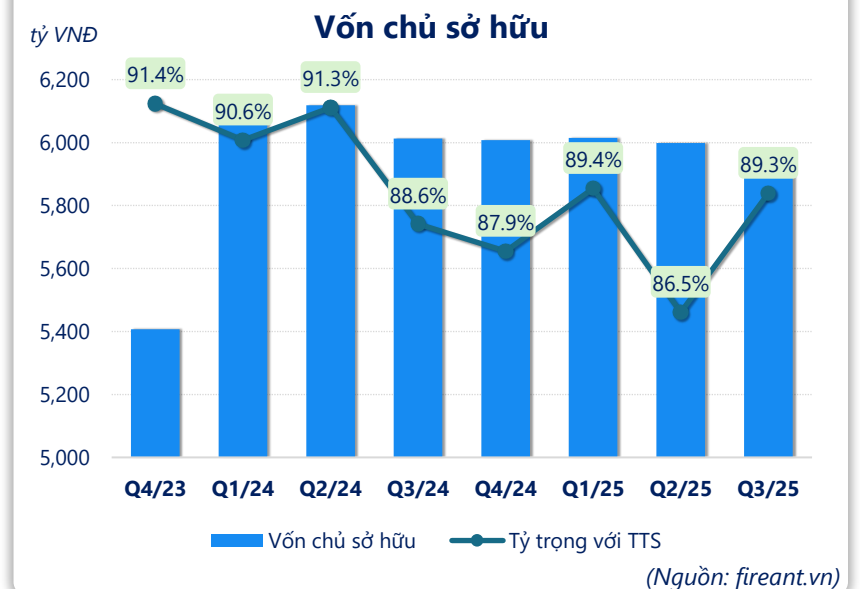
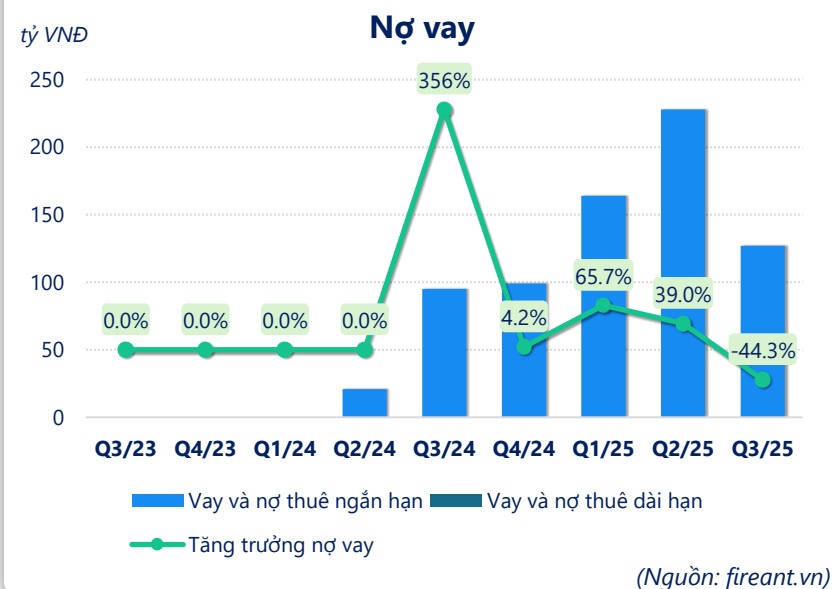
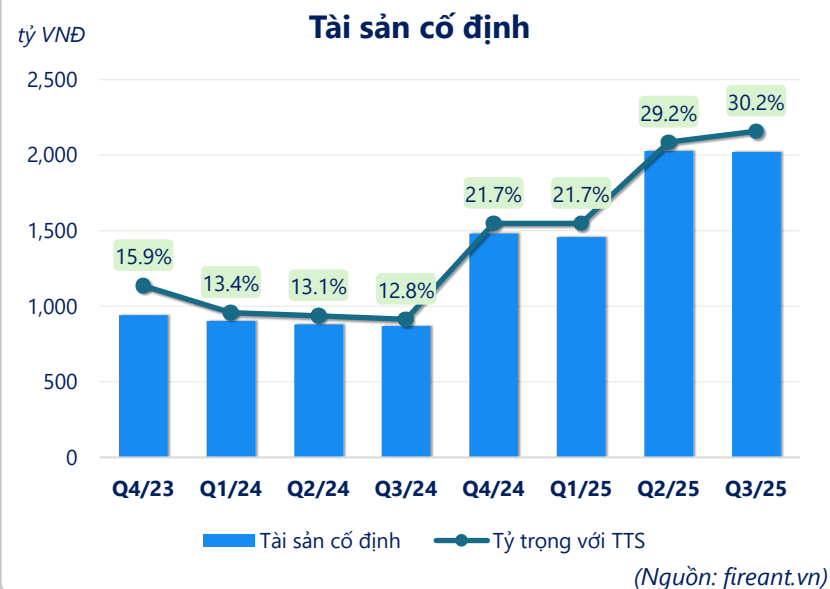
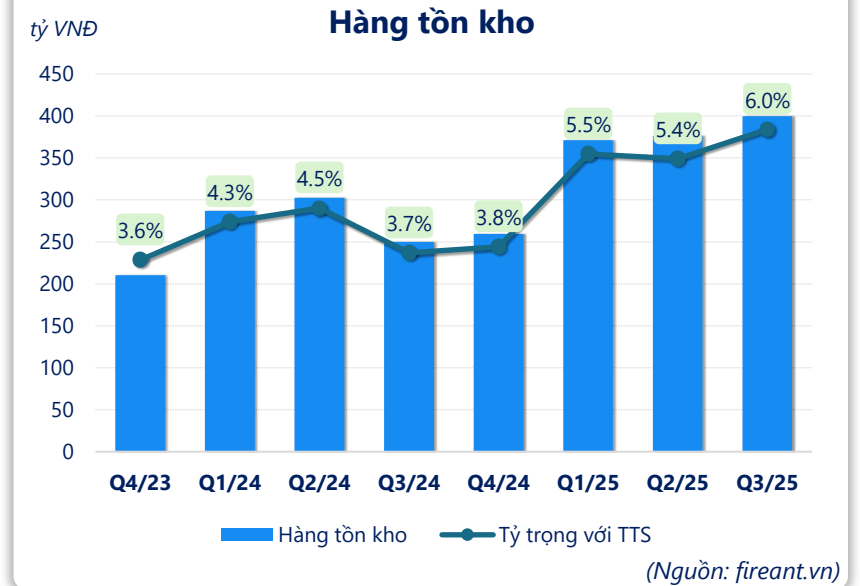
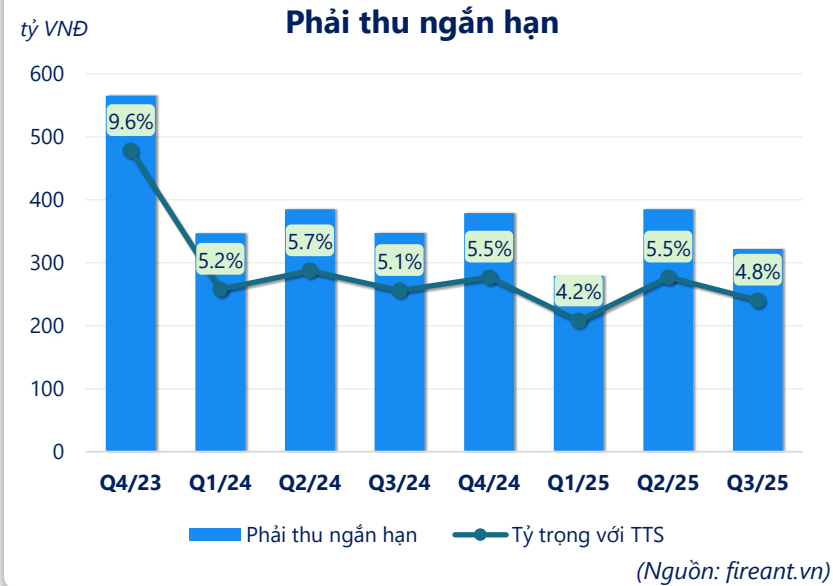
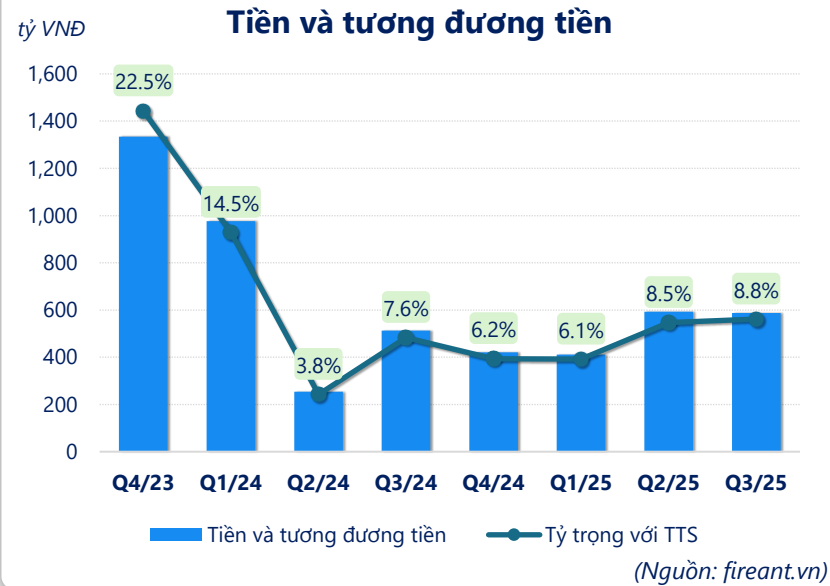
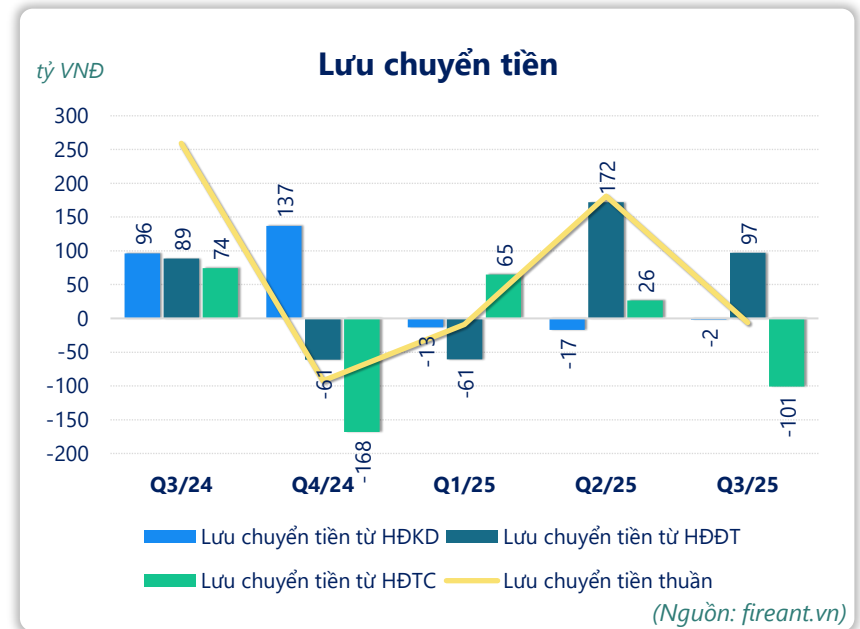
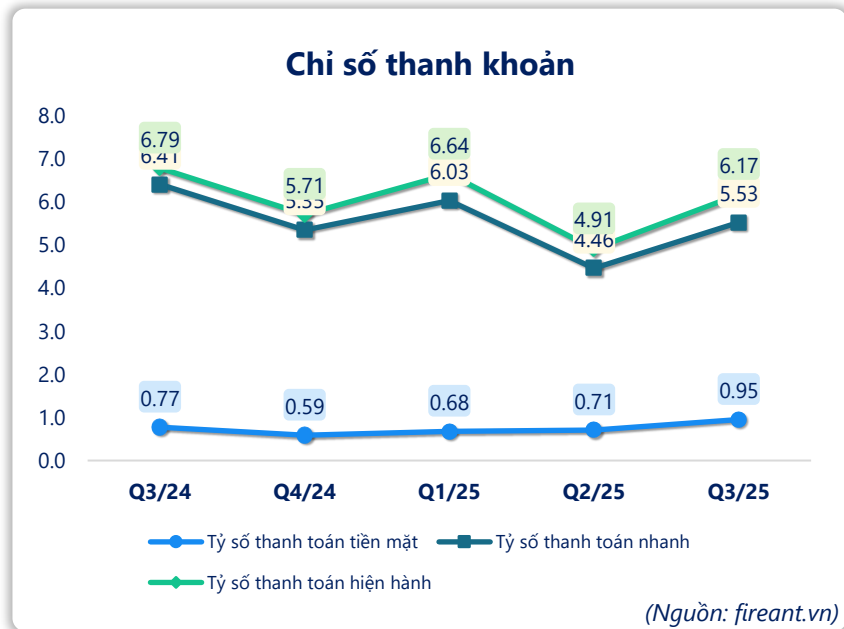
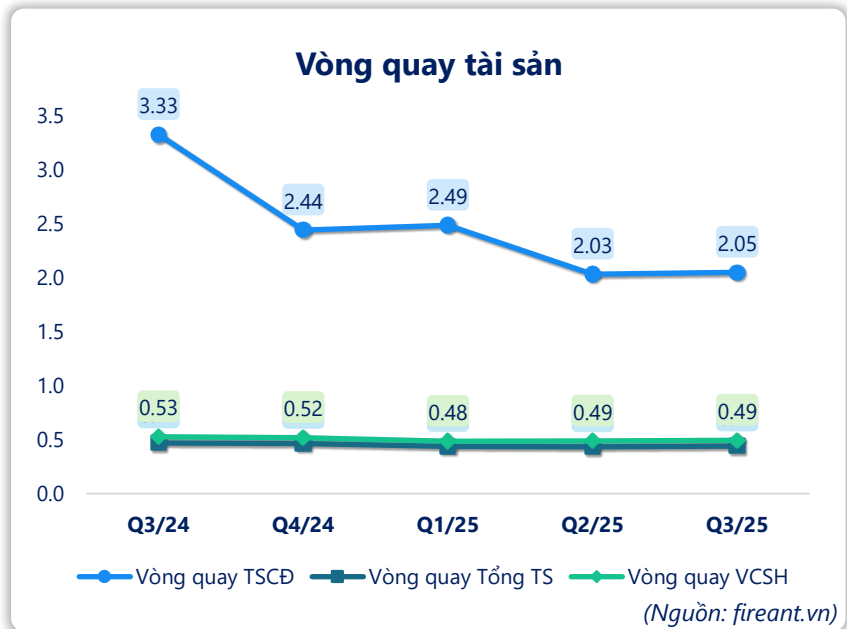
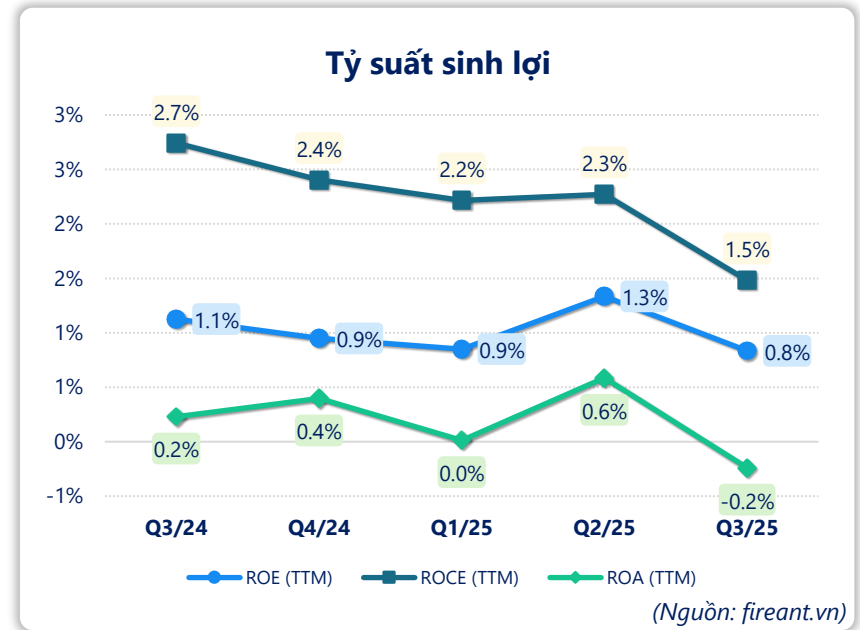
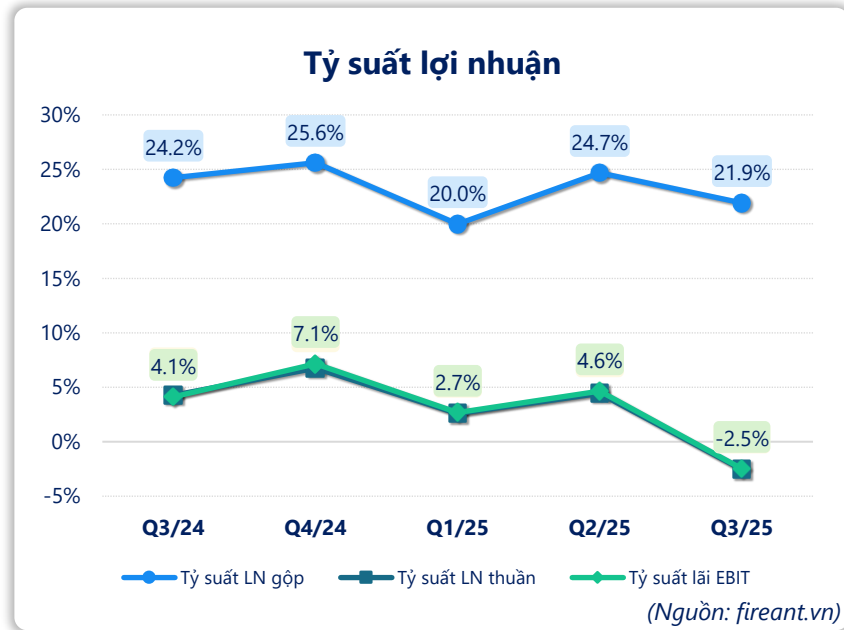
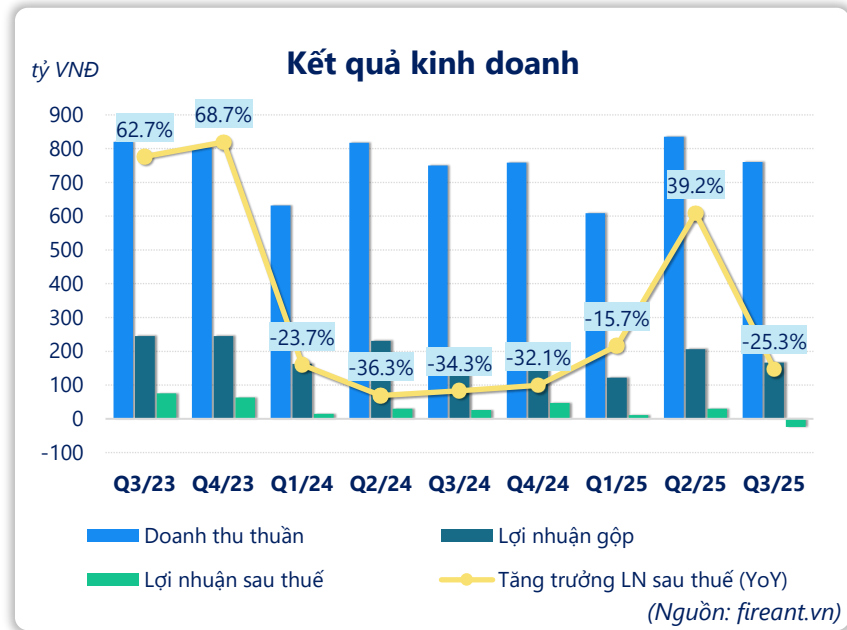


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,300
SL cổ phiếu LH		212,491,611
KLGD BQ 20 phiên (CP)		332,625
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		3,187
P/E		63.8
EPS		235

	YTD	1T	3T	6T
VLC	-15.7%	-3.2%	-2.0%	-14.3%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	6,688	6,816	-1.9%
Tài sản ngắn hạn	3,810	4,077	-6.6%
Tiền và tương đương tiền	587	421	39.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,456	2,989	-17.8%
Phải thu ngắn hạn	322	361	-10.7%
Hàng tồn kho	399	259	53.9%
Tài sản ngắn hạn khác	45.5	47.3	-3.8%
Tài sản dài hạn	2,878	2,738	5.1%
Phải thu dài hạn	0.65	0.64	2.6%
Tài sản cố định	2,021	1,482	36.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	526	885	-40.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	256	252	1.3%
Tài sản dài hạn khác	17.7	25.9	-31.9%
Lợi thế thương mại	56.7	92.2	-38.5%
Nợ phải trả	716	808	-11.3%
Nợ ngắn hạn	617	699	-11.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	127	99.0	28.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	225	382	-41.0%
Nợ dài hạn	99.1	109	-9.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,972	6,008	-0.6%
Vốn chủ sở hữu	5,972	6,008	-0.6%
Vốn điều lệ	2,125	2,125	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	750	758	609	835	760
Giá vốn hàng bán	568	564	487	629	594
Lợi nhuận gộp	182	194	122	206	167
Doanh thu HĐTC	65.8	49.3	46.9	50.3	46.0
Chi phí TC	0.57	1.33	1.32	2.17	1.70
Chi phí lãi vay	0.57	1.16	1.17	1.98	1.69
LN trong công ty LKLD	1.17	2.15	-0.14	0.25	1.55
Chi phí bán hàng	175	159	109	177	192
Chi phí QLDN	41.4	34.0	42.7	40.1	40.2
LN thuần từ HĐKD	32.1	51.2	15.7	37.2	-19.3
Lợi nhuận khác	-1.68	1.85	-0.61	-0.42	-1.23
LN trước thuế	30.4	53.0	15.1	36.8	-20.6
Lợi nhuận sau thuế	25.8	47.0	11.2	29.7	-23.9
LNST của CĐ cty mẹ	14.8	25.2	0.91	39.9	-16.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	96.4	137	-13.4	-17.1	-2.01
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	88.6	-60.9	-60.5	172	97.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	74.2	-168	65.0	26.4	-101
Tiền đầu kỳ	254	513	421	412	593
Lưu chuyển tiền thuần	259	-92.3	-8.96	181	-6.05
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	513	421	412	593	587

(Nguồn: fireant.vn)